TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 04 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 – 7 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 04 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 04 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 277/2025/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phan Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: ấp TK, xã ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Kim Thị C, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: ấp TN, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Phan Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị C chung sống năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chánh. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ anh không chung thủy, không quan tâm, lo lắng gia đình. Thân tộc có hòa giải hàn gắn, nhưng chị C không thay đổi. Vợ chồng không còn sống chung 05 năm. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Phan Y P, sinh ngày 12/4/2012 và Phan Minh N, sinh ngày 13/5/2015 hiện đang sống cùng anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 người con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Đối với chị Kim Thị C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Phan Văn T khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với chị Kim Thị C là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, chị C.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2011, anh T với chị C kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh T với chị C được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo anh T xác định, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ anh không chung thủy, không quan tâm, lo lắng gia đình. Thân tộc có hòa giải hàn gắn, nhưng chị C không thay đổi. Vợ chồng không còn sống chung 05 năm, nhưng chị C không có ý kiến. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định trong cuộc sống vợ chồng giữa anh T với chị C đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xãy ra. Đồng thời, mâu thuẫn đó đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài, và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu P đã hơn 13 tuổi, cháu N đã hơn 10 tuổi đang sống cùng anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, nhưng chị C không có ý kiến. Xét thấy: Theo nguyện vọng của cháu Pg và N thể hiện cháu có nguyện vọng được sống với cha. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và điều kiện học của 02 cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T về con chung.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên chị C không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phan Văn T được ly hôn với chị Kim Thị C.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Y P, sinh ngày 12/4/2012 và Phan Minh N, sinh ngày 13/5/2015 cho anh Phan Văn T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Kim Thị C không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Anh Phan Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001285 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Phan Văn T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh